

Số: 424/4 /CT-HTr
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Nhà máy In tiền Quốc gia

Đ/c: Số 30 Phạm Văn Đồng, Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội
MST: 0100149250

Trả lời công văn số 260/NMI-KTTC đề ngày 18/6/2015 của Nhà máy In tiền Quốc gia hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

- + Tại Điều 1 Chương I quy định về đối tượng áp dụng.
- + Tại Điều 2 Chương I quy định về đối tượng không áp dụng.
- + Tại Điều 4 Chương I quy định về người nộp thuế như sau:

“1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 8 Mục 2 Chương II hoặc Điều 14 Mục 4 Chương II, kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam. Việc kinh doanh được tiến hành trên cơ sở hợp đồng nhà thầu với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc với tổ chức, cá nhân nước ngoài khác đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu phụ.

Việc xác định Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú, đối tượng cư trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); thực hiện phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) ...

Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

+ Tại Điều 5 Chương I quy định về các loại thuế áp dụng như sau:

“1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo pháp luật về thuế TNCN.

3. Đối với các loại thuế, phí và lệ phí khác, Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí khác hiện hành.”

+ Tại Điều 8 Mục 2 Chương II quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế nhà thầu theo phương pháp kê khai:

“Điều 8. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;

2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;

3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.”

+ Tại Điều 9, Điều 10 Mục 2 Chương II quy định cách xác định thuế GTGT, TNDN nhà thầu theo phương pháp kê khai.

+ Tại Điều 11 Mục 3 Chương II quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế nhà thầu theo phương pháp trực tiếp:

“Điều 11. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II quy định cách xác định thuế GTGT, TNDN nhà thầu theo phương pháp trực tiếp.

+ Tại Điều 14 Mục 4 Chương II quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế nhà thầu theo phương pháp hỗn hợp:

“Điều 14. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nếu đáp ứng đủ hai điều kiện nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Mục 2 Chương II và tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế.”

+ Tại Điều 15, Điều 16 Mục 4 Chương II quy định cách xác định thuế GTGT, TNDN nhà thầu theo phương pháp hỗn hợp.

- Căn cứ Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN:

+ Tại Khoản 1 Điều 6 Chương II quy định về điều kiện xác định khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

+ Tại Khoản 2.37 Điều 6 Chương II quy định các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN bao gồm:

“2.37. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp;
... ”

- Căn cứ Khoản 7 và Khoản 9 Điều 4 Chương III Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:

“7. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này không được khấu trừ, trừ các trường hợp sau:

...

9. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

- Căn cứ Điều 1 Chương I Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định về người nộp thuế TNCN.

- Căn cứ Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế:

+ Tại Điều 2 sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 như sau:

“Điều 1. Người nộp thuế

Người nộp thuế là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú theo quy định tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 2 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2013/NĐ-CP), có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP.

Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai quốc gia.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập”

+ Tại Khoản 2 Điều 6 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC như sau:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp tổ chức nước ngoài mà Nhà máy in tiền Quốc gia thực hiện ký kết hợp đồng thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 1 Chương I Thông tư 103/2014/TT-BTC nêu trên thì Cục thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

1. Về việc kê khai, tính thuế nhà thầu:

Căn cứ vào các điều kiện mà nhà thầu nước ngoài đáp ứng được để xác định số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp theo quy định:

- Trường hợp nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện áp dụng theo quy định tại Điều 8 hoặc Điều 14 Thông tư 103/2014/TT-BTC nêu trên thì nhà thầu nước ngoài xác định thuế GTGT, thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 15, Điều 16 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

- Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Nhà máy In tiền Quốc gia có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài theo phương pháp trực tiếp theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

2. Đối với khoản tiền thuế nộp thay cho nhà thầu nước ngoài:

- Về thuế GTGT: Đối với khoản thuế GTGT mà Nhà máy In tiền Quốc gia nộp thay cho nhà thầu nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam mà các hoạt động của Nhà máy In tiền Quốc gia thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thì khoản thuế GTGT nộp thay này được xác định là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Về thuế TNDN: trường hợp Nhà máy In tiền Quốc gia nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, doanh thu nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản tiền thuế TNDN nộp thay này được xác định là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

3. Về thuế TNCN:

Trường hợp các chuyên gia nước ngoài là nhân viên của Nhà thầu nước ngoài cử sang làm việc tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài thì Nhà máy In tiền Quốc gia xác định chuyên gia nước ngoài là cá nhân cư trú hay cá nhân không cư trú để xác định nghĩa vụ thuế TNDN của chuyên gia theo hướng dẫn tại Thông tư 111/2013/TT-BTC, Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC nêu trên và các văn bản pháp luật có liên quan.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Nhà máy In tiền Quốc gia được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra 6;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, HTr(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Mai Sơn